

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07-4-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huyền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Việt Trường

2. Ông Nguyễn Thế Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 26 tháng 02 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T ham nhậu nhẹt, say xỉn rồi kiếm cớ chửi bới, đánh đập bà dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay bà nhận thấy mâu

thuần vợ chồng đã xảy ra trong thời gian dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà và ông Lê Văn T có hai con chung là Lê Hữu C, sinh ngày 26/02/2005 và Lê Hữu K, sinh ngày 07/7/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà đang làm việc tại Công ty TNHH T tại phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; thu nhập mỗi tháng khoảng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Văn T nhưng ông T vắng mặt và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Văn T nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà H, Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 02 năm 2007 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà H và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T để làm việc, hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, mặc dù được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ gia đình nhưng bà H cương quyết yêu cầu ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 32 do Ủy ban nhân dân T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 27 tháng 02 năm 2007 và Trích lục khai sinh số 456/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 7 năm 2019 có cơ sở để xác định: Bà H và ông T có hai con chung là Lê Hữu C, sinh ngày 26/02/2005 và Lê Hữu K, sinh ngày 07/7/2019. Xét yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp nuôi các con chung thì thấy: Con chung Lê Hữu K còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ; bà H có việc làm, có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc hai con chung. Đối với nguyện vọng của cháu Lê Hữu K được sống cùng với cha sau khi cha mẹ ly hôn thì thấy: Ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không có việc làm nên việc giao con cho ông T trực tiếp nuôi là không đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung. Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Hữu C và Lê Hữu K cho bà H trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao con chung Lê Hữu C, sinh ngày 26-02-2005 và Lê Hữu K, sinh ngày 07-7-2019 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5749 ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 4 năm 2022), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Bùi Thị Huyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Xuân Thường**

